

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình; lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/4/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-BVHTT&DL ngày 29/11/2023 của Bộ Văn hoá, thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 3698/QĐ-BVHTT&DL ngày 01/12/2023 của Bộ Văn hoá, thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 348/TTr-SVHTT&DL ngày 14/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình; lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch như sau:

1. Công bố 06 danh mục thủ tục hành chính, trong đó: 05 danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Gia đình; 01 danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm có số thứ tự 45 mục A3, phần I, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Bãi bỏ 19 danh mục thủ tục hành chính, trong đó: 13 danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh có số thứ tự 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67 điểm A9 mục A; số thứ tự 68 mục A10, phần I, Phụ lục I và 06 danh mục thủ tục hành chính cấp huyện có số thứ tự 10, 11, 12, 13, 14, 15 mục A3, phần II, Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(Có Phụ lục II kèm theo)

3. Phê duyệt 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Gia đình.

(Có Phụ lục III kèm theo)

4. Giữ nguyên Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm có số thứ tự 45, phần I, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Bãi bỏ 19 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong đó: 13 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh có số thứ tự 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, phần I và 06 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện có số thứ tự 10, 11, 12, 13, 14, 15, phần II, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình

nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành như sau: Thủ tục hành chính lĩnh vực Gia đình có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/12/2023; Thủ tục hành chính lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tr(10b).

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

DANH MỤC

Thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Gia đình; lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC GIA ĐÌNH: 05 (TTHC)					
I	Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh: 03 (TTHC)					
1	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	- Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp lần đầu giấy chứng nhận cho cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 17 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2023/NĐ-CP (Nghị định 76). Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La, qua đường bưu điện hoặc điện tử (qua Cổng dịch vụ công Quốc gia). - Trường hợp gửi điện tử, thành phần hồ sơ như gửi trực tiếp được chụp (từ bản gốc) hoặc	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

		phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.		bản định dạng PDF có ký số. Tên văn bản được đặt tương ứng với tên giấy tờ, tài liệu gửi kèm.		
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cho cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 17 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76. Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La hoặc qua đường bưu điện hoặc điện tử (qua Cổng dịch vụ công quốc gia) đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Trường hợp gửi điện tử, thành phần hồ sơ như gửi trực tiếp được chụp (từ bản gốc) hoặc bản định dạng PDF có ký số. Tên văn bản được đặt	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

				tương ứng với tên giấy tờ, tài liệu gửi kèm.		
3	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	- Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận cho cơ sở cung cấp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm	Nộp trực tiếp hoặc bưu chính hoặc điện tử (qua Cổng dịch vụ công quốc gia) đến Sở Văn hóa, Thể	Không quy định	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết

		<p>dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 17 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 76.</p> <p>Trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>thao và Du lịch</p> <p>- Trường hợp gửi điện tử, thành phần hồ sơ như gửi trực tiếp được chụp (từ bản gốc) hoặc bản định dạng PDF có ký số. Tên văn bản được đặt tương ứng với tên giấy tờ, tài liệu gửi kèm.</p>		<p>một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.</p>
II	Danh mục thủ tục hành chính cấp xã: 02 (TTHC)					
1	<p>Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân</p>	<p>- Trong thời hạn 11 giờ kể từ khi nhận được đề nghị cấm tiếp xúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc (có thể trực tiếp hoặc phân công cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xác minh thông tin).</p> <p>- Trường hợp không ra quyết định thì</p>	<p>Ủy ban nhân dân cấp xã</p>	<p>- Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình đề nghị cấm tiếp xúc thông qua hình thức trực tiếp (gặp trực tiếp hoặc gọi điện thoại) cho Chủ tịch Ủy ban</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022;</p> <p>- Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.</p>

		<p>phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>		<p>nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình), qua đường bưu chính hoặc điện tử.</p> <p>- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền gửi đơn đề nghị cấm tiếp xúc thông qua hình thức trực tiếp, bưu chính hoặc điện tử (qua cổng dịch vụ công quốc gia) tới Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình.</p> <p>- Trường hợp gửi điện tử, thành phần hồ sơ như gửi trực tiếp được chụp (từ bản gốc) hoặc bản định</p>		
--	--	---	--	---	--	--

				dạng PDF có ký số. Tên văn bản được đặt tương ứng với tên giấy tờ, tài liệu gửi kèm.		
2	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	<p>- Trong thời hạn 11 giờ kể từ khi nhận được đề nghị hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ quyết định hủy bỏ hay không hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc.</p> <p>- Trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	Ủy ban nhân dân cấp xã	<p>- Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền gửi đề nghị hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua hình thức trực tiếp, bưu chính hoặc điện tử (Cổng dịch vụ công Quốc gia).</p>	Không quy định	<p>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022;</p> <p>- Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.</p>

B	Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm: 01 (TTHC)					
Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh: 01 (TTHC)						
1	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	<p>- Trong thời gian 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập khẩu.</p> <p>- Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La, qua đường bưu điện hoặc điện tử (qua Cổng dịch vụ công Quốc gia).</p> <p>- Trường hợp gửi điện tử, thành phần hồ sơ như gửi trực tiếp được chụp (từ bản gốc) hoặc bản định dạng PDF có ký số. Tên văn bản được đặt tương ứng với tên giấy tờ, tài liệu gửi kèm.</p>	<p>1. Đối với tác phẩm mỹ thuật + Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49: 270.000đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng</p> <p>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</p>	<p>- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng quá quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu;</p> <p>- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>

					<p>+ Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p>	<p>quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- <i>Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.</i></p>
--	--	--	--	--	--	---

Danh mục
Thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

(Ban hành Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/____ của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
1	1.005441.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
2	1.001407.000.00.00.H52	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
3	2.001414.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.

4	1.000817.000.00.00.H52	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
5	1.000454.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
6	1.000433.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
7	1.000379.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
8	2.000022.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.

9	1.001420.000.00.00.H52	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
10	1.000919.000.00.00.H52	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
11	1.000104.000.00.00.H52	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
12	1.003310.000.00.00.H52	Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
14	1.003243.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.

15	1.003226.000.00.00.H52	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
16	1.003185.000.00.00.H52	Thủ tục Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
17	1.003140.000.00.00.H52	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
18	1.003103.000.00.00.H52	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền UBND cấp huyện)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.
19	1.001874.000.00.00.H52	Thủ tục Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền UBND cấp huyện)	Gia đình	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022.

20	1.004723.000.00.00H52	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	Văn hoá	Thông tư số 12/2023/TTBVHTTDL ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành.
----	-----------------------	--	---------	---

DANH MỤC

Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành
trong lĩnh vực Gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
(Ban hành Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____ của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**1. Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình**

- Thời gian giải quyết: 08 ngày làm việc
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận nhận kết quả và trả hồ sơ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ được scan, lưu điện tử. Số hoá thành phần hồ sơ bắt buộc số hoá	1 ngày
B2	Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do	Dự thảo các văn bản liên quan	3 ngày
		Lãnh đạo phòng chuyên môn	Ý kiến thẩm định	1 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1 ngày

B4	Phát hành văn bản chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công	Văn thư	Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Cấp lần đầu).	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa	Số hoá kết quả	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện				8 ngày

2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

- Thời gian giải quyết: 3 ngày làm việc
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận nhận kết quả và trả hồ sơ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ được scan, lưu điện tử. Số hoá thành phần hồ sơ bắt buộc số hoá	1/2 ngày
B2	Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên thụ lý hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do	Dự thảo các văn bản liên quan	1/2 ngày
		Lãnh đạo phòng chuyên môn	Ý kiến thẩm định	1/4 ngày

B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt.	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành văn bản chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công	Văn thư	Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Cấp lại lần...)	½ ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa	Số hoá kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				3 ngày

3. Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

- Thời gian giải quyết: 08 ngày làm việc

- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận nhận kết quả và trả hồ sơ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ được scan, lưu điện tử. Số hoá thành phần hồ sơ bắt buộc số hoá	1 ngày
B2	Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình thụ lý, xử lý hồ	Lãnh đạo phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

	sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do	Dự thảo các văn bản liên quan	03 ngày
		Lãnh đạo phòng chuyên môn	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Phát hành văn bản chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công	Văn thư	Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Cấp đổi lần...)	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa	Số hoá kết quả	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện				8 ngày

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thủ tục cầm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân

- Thời gian giải quyết: 11 giờ
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ (scan hồ sơ)	Công chức BPMC	Cập nhập hồ sơ phần mềm,	02 giờ

B2	Tiếp nhận hồ sơ BPMC	Công chức Văn hóa	Ý kiến tham mưu đề xuất xử lý hồ sơ	04 giờ
B3	Lãnh đạo UBND xã phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	Ý kiến cụ thể, xem xét phê duyệt	03 giờ
B4	Văn thư	Vào Sổ Bộ phận một cửa	Trả Bộ phận một cửa	01 giờ
B5	Trả Bộ phận một cửa	Trả kết quả	Quyết định hành chính về việc cấm tiếp xúc do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) ban hành. Thời gian cấm tiếp xúc không quá 03 ngày cho mỗi lần quyết định cấm tiếp xúc	01 giờ
Tổng thời gian thực hiện				11 giờ

2. Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị

- Thời gian giải quyết: 11 giờ
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ (scan hồ sơ)	Công chức BPMC	Cập nhập hồ sơ phần mềm	02 giờ

B2	Tiếp nhận hồ sơ BPMC	Công chức Văn hóa	Ý kiến tham mưu đề xuất xử lý hồ sơ	04 giờ
B3	Lãnh đạo UBND xã phê duyệt	Lãnh đạo UBND xã	Ý kiến cụ thể, xem xét phê duyệt	03 giờ
B4	Văn thư	Vào Sổ Bộ phận một cửa	Trả Bộ phận một cửa	01 giờ
B5	Trả Bộ phận một cửa	Trả kết quả	Quyết định hành chính về việc hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành.	01 giờ
Tổng thời gian thực hiện				11 giờ